

Bảng lương giáo viên các cấp năm 2026

2.1. Bảng lương giáo viên mầm non

- Giáo viên mầm non hạng III - Mã số V.07.02.26

Bậc lương	Hệ số lương	Mức lương (đồng/tháng) trước 01/7/2026	Mức lương (đồng/tháng) từ 01/7/2026
Bậc 1	2,1	4.914.000	5.313.000
Bậc 2	2,41	5.639.400	6.097.300
Bậc 3	2,72	6.364.800	6.881.600
Bậc 4	3,03	7.090.200	7.665.900
Bậc 5	3,34	7.815.600	8.450.200
Bậc 6	3,65	8.541.000	9.234.500

Bậc 7	3,96	9.266.400	10.018.800
Bậc 8	4,27	9.991.800	10.803.100
Bậc 9	4,58	10.717.200	11.587.400
Bậc 10	4,89	11.442.600	12.371.700

- Giáo viên mầm non hạng II - Mã số V.07.02.25

Bậc	Hệ số	Mức lương (đồng/tháng) trước 01/7/2026	Mức lương (đồng/tháng) từ 01/7/2026
Bậc 1	2,34	5.475.600	5.920.200
Bậc 2	2,67	6.247.800	6.755.100
Bậc 3	3,0	7.020.000	7.590.000

Bậc 4	3,33	7.792.200	8.424.900
Bậc 5	3,66	8.564.400	9.259.800
Bậc 6	3,99	9.336.600	10.094.700
Bậc 7	4,32	10.108.800	10.929.600
Bậc 8	4,65	10.881.000	11.764.500
Bậc 9	4,98	11.653.200	12.599.400

- Giáo viên mầm non hạng I - Mã số V.07.02.241

Bậc	Hệ số	Mức lương (đồng/tháng) trước 01/7/2026	Mức lương (đồng/tháng) từ 01/7/2026
Bậc 1	4,0	9.360.000	10.120.000

Bậc 2	4,34	10.155.600	10.980.200
Bậc 3	4,68	10.951.200	11.840.400
Bậc 4	5,02	11.746.800	12.700.600
Bậc 5	5,36	12.542.400	13.560.800
Bậc 6	5,7	13.338.000	14.421.000
Bậc 7	6,04	14.133.600	15.281.200
Bậc 8	6,38	14.929.200	16.141.400

2.2 Bảng lương giáo viên tiểu học

- Giáo viên tiểu học hạng III - Mã số V.07.03.29

Bậc lương	Hệ số	Mức lương (đồng/tháng)	Mức lương (đồng/tháng) từ 01/7/2026
----------------------	------------------	-----------------------------------	--

		trước 01/7/2026	
Bậc 1	2,34	5.475.600	5.920.200
Bậc 2	2,67	6.247.800	6.755.100
Bậc 3	3,00	7.020.000	7.590.000
Bậc 4	3,33	7.792.200	8.424.900
Bậc 5	3,66	8.564.400	9.259.800
Bậc 6	3,99	9.336.600	10.094.700
Bậc 7	4,32	10.108.800	10.929.600
Bậc 8	4,65	10.881.000	11.764.500

Bậc 9	4,98	11.653.200	12.599.400
-------	------	------------	------------

- Giáo viên tiểu học hạng II - Mã số V.07.03.28

Bậc lương	Hệ số	Mức lương (đồng/tháng) trước 01/7/2026	Mức lương (đồng/tháng) từ 01/7/2026
Bậc 1	4,00	9.360.000	10.120.000
Bậc 2	4,34	10.155.600	10.980.200
Bậc 3	4,68	10.951.200	11.840.400
Bậc 4	5,02	11.746.800	12.700.600
Bậc 5	5,36	12.542.400	13.560.800
Bậc 6	5,70	13.338.000	14.421.000

Bậc 7	6,04	14.133.600	15.281.200
Bậc 8	6,38	14.929.200	16.141.400

- Giáo viên tiểu học hạng I - Mã số V.07.03.27

Bậc lương	Hệ số	Mức lương (đồng/tháng) trước 01/7/2026	Mức lương (đồng/tháng) từ 01/7/2026
Bậc 1	4,40	10.296.000	11.132.000
Bậc 2	4,74	11.091.600	11.992.200
Bậc 3	5,08	11.887.200	12.852.400
Bậc 4	5,42	12.682.800	13.712.600
Bậc 5	5,76	13.478.400	14.572.800

Bậc 6	6,10	14.274.000	15.433.000
Bậc 7	6,44	15.069.600	16.293.200
Bậc 8	6,78	15.865.200	17.153.400

2.3 Bảng lương giáo viên trung học cơ sở

- Hạng III - Mã số V.07.04.32

Bậc	Hệ số	Mức lương (đồng/tháng) trước 01/7/2026	Mức lương (đồng/tháng) từ 01/7/2026
Bậc 1	2,34	5.475.600	5.920.200
Bậc 2	2,67	6.247.800	6.755.100
Bậc 3	3,0	7.020.000	7.590.000
Bậc 4	3,33	7.792.200	8.424.900

Bậc 5	3,66	8.564.400	9.259.800
Bậc 6	3,99	9.336.600	10.094.700
Bậc 7	4,32	10.108.800	10.929.600
Bậc 8	4,65	10.881.000	11.764.500
Bậc 9	4,98	11.653.200	12.599.400

- Hạng II - Mã số V.07.04.31

Bậc	Hệ số	Mức lương (đồng/tháng) trước 01/7/2026	Mức lương (đồng/tháng) từ 01/7/2026
Bậc 1	4,0	9.360.000	10.120.000
Bậc 2	4,34	10.155.600	10.980.200

Bậc 3	4,68	10.951.200	11.840.400
Bậc 4	5,02	11.746.800	12.700.600
Bậc 5	5,36	12.542.400	13.560.800
Bậc 6	5,7	13.338.000	14.421.000
Bậc 7	6,04	14.133.600	15.281.200
Bậc 8	6,38	14.929.200	16.141.400

- Hạng I - Mã số V.07.04.30

Bậc	Hệ số	Mức lương (đồng/tháng) trước 01/7/2026	Mức lương (đồng/tháng) từ 01/7/2026
Bậc 1	4,4	10.296.000	11.132.000

Bậc 2	4,74	11.091.600	11.992.200
Bậc 3	5,08	11.887.200	12.852.400
Bậc 4	5,42	12.682.800	13.712.600
Bậc 5	5,76	13.478.400	14.572.800
Bậc 6	6,1	14.274.000	15.433.000
Bậc 7	6,44	15.069.600	16.293.200
Bậc 8	6,78	15.865.200	17.153.400

2.4 Bảng lương giáo viên trung học phổ thông

- Hạng III - Mã số V.07.05.15

Bậc	Hệ số lương	Mức lương (đồng/tháng)	Mức lương (đồng/tháng) từ 01/7/2026
------------	--------------------	-----------------------------------	--

		trước 01/7/2026	
Bậc 1	2,34	5.475.600	5.920.200
Bậc 2	2,67	6.247.800	6.755.100
Bậc 3	3,00	7.020.000	7.590.000
Bậc 4	3,33	7.792.200	8.424.900
Bậc 5	3,66	8.564.400	9.259.800
Bậc 6	3,99	9.336.600	10.094.700
Bậc 7	4,32	10.108.800	10.929.600

Bậc 8	4,65	10.881.000	11.764.500
Bậc 9	4,98	11.653.200	12.599.400

- Hạng II - Mã số V.07.05.14

Bậc	Hệ số lương	Mức lương (đồng/tháng) trước 01/7/2026	Mức lương (đồng/tháng) từ 01/7/2026
Bậc 1	4,00	9.360.000	10.120.000
Bậc 2	4,34	10.155.600	10.980.200
Bậc 3	4,68	10.951.200	11.840.400

Bậc 4	5,02	11.746.800	12.700.600
Bậc 5	5,36	12.542.400	13.560.800
Bậc 6	5,70	13.338.000	14.421.000
Bậc 7	6,04	14.133.600	15.281.200
Bậc 8	6,38	14.929.200	16.141.400

- Hạng I - Mã số V.07.05.13

Bậc	Hệ số lương	Mức lương (đồng/tháng) trước 01/7/2026	Mức lương (đồng/tháng) từ 01/7/2026
-----	----------------	--	---

Bậc 1	4,40	10.296.000	11.132.000
Bậc 2	4,74	11.091.600	11.992.200
Bậc 3	5,08	11.887.200	12.852.400
Bậc 4	5,42	12.682.800	13.712.600
Bậc 5	5,76	13.478.400	14.572.800
Bậc 6	6,10	14.274.000	15.433.000
Bậc 7	6,44	15.069.600	16.293.200

Bậc 8	6,78	15.865.200	17.153.400
----------	------	------------	------------

** Lưu ý: Toàn bộ Bảng lương trên không bao gồm các khoản phụ cấp, trợ cấp,...*